

Bản án số: 272/2018/HSPT
Ngày 10/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Quách Thanh Bình

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương.
Ông Nguyễn Khắc Vương.

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thư Thái Bình - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:
Ông Võ Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 195/2018/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo A và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản hình sự sơ thẩm số 51/2018/HSST ngày 09/04/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ **A** sinh ngày 19/10/2000 tại thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: C, S, huyện M, T.p M1; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: D1 và bà G; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/7/2017, đến ngày 07/8/2017 được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2/ **B** (tên gọi khác Dương) sinh ngày 20/03/2002 tại M2; Thường trú: D, phường 8, Tp. M2, tỉnh M2; chỗ ở hiện nay: Nhà không số tổ 1, ấp 4, xã T, huyện M, Tp. M1; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: P4 (đã chết) và bà D1; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/7/2017, đến ngày 07/8/2017 được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3/ **L**, sinh ngày 24/10/2002 tại Tp. Hồ Chí Minh; Thường trú: F, xã S, huyện M, Tp. M1; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: P2 và bà N; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/7/2017, đến ngày 07/8/2017 được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4/ **V**, sinh ngày 15/03/2002 tại M2; Thường trú: 8, phường 8, Tp. M2, tỉnh M2; chỗ ở hiện nay: Nhà không số tổ 1, ấp 4, xã T, huyện M, Tp. M1; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: T1 và bà Nguyễn Hồng Nhung; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/7/2017, đến ngày 07/8/2017 được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5/ **T**, sinh ngày 13/8/2002 tại G; Thường trú: Ấp 6, xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, tỉnh G; chỗ ở hiện nay: H, xã S, huyện M, Tp.M1; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: G3 và bà E; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/7/2017, đến ngày 07/8/2017 được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

6/ **P** sinh ngày 12/4/2003 tại L1; Thường trú: Ấp N4, xã B1, huyện Ô, tỉnh L1; chỗ ở hiện nay: H2, xã S, huyện M, Tp. M1; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: H và bà D5; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/7/2017, đến ngày 07/8/2017 được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bị hại: Ông T1, sinh năm:1996 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà T2 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 12A, ấp 2, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại T1: Ông T3 là cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà N, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Thường trú: 35/3C ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

- Ông P1 (vắng mặt)

Thường trú: 10E đường số 5, khu phố 6, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo A

Bà G, sinh năm: 1979; là mẹ đẻ của bị cáo. (có mặt)

Thường trú: 11/6 Tổ 10, ấp 4, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo B

Ông T1, sinh năm: 1972; là chú ruột của bị cáo (có mặt)

Địa chỉ: nhà không số, tổ 1 ấp 4, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo L

Ông P2, sinh năm: 1976; là cha đẻ của bị cáo (có mặt)

Thường trú: 35/3C ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo V

Ông T1, sinh năm: 1972; là cha đẻ của bị cáo (có mặt)

Địa chỉ: nhà không số, tổ 1 ấp 4, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo T

Bà E, sinh năm: 1979; là mẹ đẻ của bị cáo (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 32/5E ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo P

Ông H, sinh năm: 1979; là cha đẻ của bị cáo (có mặt)

Địa chỉ: 9/4A tổ 8, ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Người Bào chữa* cho các bị cáo A, L, B: Ông N là cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người Bào chữa* cho các bị cáo V, T, P: Ông T4 là cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 00 ngày 28/7/2017, A đi đến gặp B, L, V, P và T tại nhà L địa chỉ 35/3C ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn ăn nhậu, tại đây A rủ cả bọn cùng nhau đi tìm người có tài sản cướp bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì cả bọn đồng ý, P về nhà lấy 01 ống nhựa dài 60cm trong ống đổ xi măng mang đi làm hung khí. Sau đó cả bọn đi trên 03 xe gắn máy, A điều khiển xe gắn máy biển số 51Y1 – 9522 chở P, L điều khiển xe gắn máy biển số 51N4 – 9880 chở B, V điều khiển xe gắn máy biển số 59Y2 – 377.97 chở T chạy lòng vòng qua các tuyến đường huyện Bình Chánh cướp được 01 điện thoại di động của anh N1 xong chạy về huyện Hóc Môn.

Đến 22 giờ 00 ngày 28/7/2017, lúc này cả bọn hoán đổi vị trí, A chở B, L chở P, V chở T. Khi cả bọn đang chở nhau trên 03 xe gắn máy lưu thông trên đường XTT4 thuộc tổ 5, ấp 4, xã Xuân Thới Thượng huyện Hóc Môn thì B thấy anh T1 đang điều khiển xe gắn máy biển số: 18H1 – 144.34 chạy phía trước nên cả bọn đuổi theo khoảng 500 mét, A điều khiển xe chở B vượt lên chặn đầu xe anh T1, L điều khiển xe chở P đi đến chặn khúc giữa, V chở T chạy đến chặn đuôi xe anh T1. Do bị chặn xe anh T1 nhảy xuống xe chấp hai tay vái lạy, nói ơ, ơ, (vì anh T1 bị bệnh bẩm sinh không nghe, nói được) và rút chìa khóa xe, cầm trên tay, L thấy vậy nên nói lớn “Đưa chìa khóa xe đây” anh T1 chuẩn bị đưa thì P giật lấy chìa khóa xe của anh T1, lúc này A lấy ống nhựa từ tay B đang cầm giơ lên dọa đánh làm anh T1 hoảng sợ bỏ chạy, P đến cầm chìa khóa lấy xe điều khiển đi một mình cùng cả bọn đem về nhà di của L ở Xuân Thới Thượng cất giấu. Đến sáng ngày 29/7/2017 cả nhóm đem xe đến tiệm cầm đồ gần cây xăng 61 ấp 7, xã Xuân Thới Thượng cầm cho ông T5 nhưng do không có CMTND nên ông T5 không cầm, V và T chạy về nhà V lấy CMTND thì bị Công an

phát hiện mời về làm việc. Tại đây V và T khai toàn bộ sự việc cùng đồng bọn thực hiện hành vi cướp xe và lai lịch của đồng bọn cho Công an huyện Hóc Môn biết T hành điều tra xử lý. Riêng ông nhựa đúc bằng xi măng bên trong sau khi gây án B cầm vứt bỏ trên đường nên Công an không thu hồi được

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 51/2018/HSST ngày 09/04/2018 của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo A, B, L, V, T, P phạm tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 1 Điều 101, các Điều 32, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo A 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/7/2017 đến ngày 07/8/2017.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 2 Điều 101, các Điều 32, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo B 03(ba) năm 09(chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/7/2017 đến ngày 07/8/2017.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 2 Điều 101, các Điều 32, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo L 03(ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/7/2017 đến ngày 07/8/2017.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 2 Điều 101, các Điều 32, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo V 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/7/2017 đến ngày 07/8/2017.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 2 Điều 101, các Điều 32, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo T 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/7/2017 đến ngày 07/8/2017.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 2 Điều 101, các Điều 32, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo P 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/7/2017 đến ngày 07/8/2017.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo.

Ngày 20/4/2018, các bị cáo A, L, V, P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 23/4/2018, các bị cáo T, B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Các bị cáo A, B, L, V, T, P khai nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã nêu và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Căn cứ nội dung vụ án, tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định các bị cáo phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra được thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới để xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo A, L, B trình bày: Về tội danh không có ý kiến. Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng các điểm b, h, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng nhưng hình phạt đã tuyên là quá nặng. Ngoài ra Toà án cấp sơ thẩm đã không viện dẫn Điều 54 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm nhưng bản chất của các bị cáo là lương thiện nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Người bào chữa cho các bị cáo V, T, P trình bày: Về tội danh không có ý kiến. Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo quá nặng, vì các bị cáo khi phạm tội đều ở độ tuổi 14-15 tuổi. Toà án cấp sơ thẩm đã không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có thiếu sót. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 và Điều 100 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tranh luận: Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, h, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Luật sư đề nghị áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự do các bị cáo phạm tội lần đầu là không đúng, mà Toà án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Còn quy định tại Điều 100 Bộ luật Hình sự thì có thể áp dụng hoặc không chứ không bắt buộc phải áp dụng. Xét thấy mặc dù các bị cáo đều dưới 18 tuổi nhưng hành vi của các bị cáo là quá nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo không có việc làm, ăn chơi lêu lổng, tụ tập ăn nhậu rồi đi cướp tài sản của người khác để tiêu xài, do đó mức hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và kiểm sát viên đều thống nhất xác định bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và không có kháng cáo, kháng nghị về tội danh của các bị cáo.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo khi phạm tội đều dưới 18 tuổi, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho người bị hại, các bị cáo phạm

tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản bị chiếm đoạt đã được trả lại cho người bị hại, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, bị cáo T có ông nội được thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì nên đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo A 06 năm tù, các bị cáo B, L, T, V, P mỗi bị cáo 03 năm 09 tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[3] Tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới; lời bào chữa của các luật sư cũng không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, không chấp nhận lời bào chữa của các luật sư và yêu cầu kháng cáo của các bị cáo nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo A, B, L, V, T, P.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2018/HSST ngày 09/04/2018 của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Tuyên bố các bị cáo A, B, L, V, T, P phạm tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 1 Điều 101, các Điều 32, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo A 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/7/2017 đến ngày 07/8/2017.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 2 Điều 101, các Điều 32, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo B 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/7/2017 đến ngày 07/8/2017.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 2 Điều 101, các Điều 32, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo L 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/7/2017 đến ngày 07/8/2017.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 2 Điều 101, các Điều 32, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo V 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/7/2017 đến ngày 07/8/2017.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 2 Điều 101, các Điều 32, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo T 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/7/2017 đến ngày 07/8/2017.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 2 Điều 101, các Điều 32, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo P 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/7/2017 đến ngày 07/8/2017.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2018/HSST ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- P. PC 53 - CATP;
- Trại giam, các bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- TAND huyện Hóc Môn;
- Chi Cục THADS huyện Hóc Môn;
- THAHS huyện Hóc Môn;
- Công an huyện Hóc Môn;
- Sở Tư pháp;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: TGD, hồ sơ, VT (40).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Quách Thanh Bình